



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 1 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v: Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Công ty CPXL dầu khí Thanh Hóa

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty : Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa  
Trụ sở chính : Số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa  
Điện thoại : 02373 724 668 Fax: 02373 757 886  
Người CBTT: Bà Nguyễn Thị Huệ  
Địa chỉ : SN 47/4/ Nam Cao - Phường Tân Sơn - TP. Thanh Hóa  
Điện thoại : 091.651.7799

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa.  
(Báo cáo đính kèm).
- Giải trình Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022.  
(Giải trình đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI CBTT

Nguyễn Thị Huệ

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2022**

---

**Tháng 3 năm 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA**

Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 38

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tú	Thành viên
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên

##### Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2022)
Ông Lê Văn Đức	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2022)
Ông Hoàng Ngọc Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2022)
Bà Trịnh Thị Hồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2022)
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Trường	Giám đốc
Bà Vũ Thị Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Giám đốc

##### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Ông Phạm Văn Trường	Giám đốc
---------------------	----------

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tình chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA**

Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



*Phạm Văn Trường*

---

**Phạm Văn Trường**

**Giám đốc**

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Số: 111 /VACO/BCSX.NV2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính giữa niên độ”).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản nợ Phải thu khách hàng, Phải thu khác và Trả trước cho người bán có tổng giá trị (bao gồm các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn) đã bị quá hạn thanh toán khoảng 180 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết, do đó, chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của số liệu trên liên quan đến khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty.

Công ty đang ghi nhận trên chỉ tiêu Hàng tồn kho - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm công trình dừng triển khai từ năm 2020 trở về trước với số tiền khoảng 270 tỷ VND; tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị có thể thu hồi của các công trình đã dừng triển khai này. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) liên quan đến khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” cũng như ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan khác trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn, Dự án “Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị xây dựng Khu liên hợp hóa dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa tại xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa” đã bị chấm dứt thực hiện kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013. Tuy nhiên, giá trị chi phí đầu tư của dự án số tiền khoảng 19,4 tỷ VND đang được Công ty ghi nhận trên chỉ tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp, để đánh giá giá trị thu hồi hoặc tổn thất nếu có của khoản mục này.

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản chi phí đi vay và các khoản phạt (ước tính) liên quan đến 02 dự án “Khu Tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở” cụ thể là dự án Khách sạn Lam Kinh và dự án “Toà nhà Dầu khí 38A” từ năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 với giá trị khoảng 451,6 tỷ VND (trong đó, ước tính riêng khoản lãi vay và chi phí phạt chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 28,4 tỷ VND).

Cho đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2022, toàn bộ các đợt phát sinh khối lượng hoàn thành của Công ty tại Công trình Quốc lộ 217 Cẩm Thủy đều đã được chủ đầu tư và tư vấn giám sát nghiệm thu; Đồng thời, toàn bộ gói thầu 2.1 bao gồm hạng mục theo Hợp đồng thi công số 1004/2018/HĐXD/TN-PVCTH ngày 10 tháng 4 năm 2018 đã được các bên bàn giao, tiếp nhận và đưa công trình vào sử dụng vào ngày 22 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Công ty đang tạm ghi nhận khối lượng giá trị hoàn thành đợt 7, đợt 8 được chủ đầu tư xác nhận vào doanh thu chưa thực hiện. Nếu ghi nhận đúng theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản Phải thu khách hàng và khoản Doanh thu chưa thực hiện giảm đi giá trị là 16.405.389.917 VND.

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2022, Công ty chưa phân bổ một phần giá trị sửa chữa, khắc phục Tòa nhà 38A tại Đại lộ Lê Lợi (thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 16, phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ).

### Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận soát xét. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã chuyển nhượng dự án “Khách sạn Lam Kinh” cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh quản lý và khai thác sử dụng khi chưa có sự chấp thuận của PVComBank.

### Vấn đề khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được soát xét.



**Chữ Mạnh Hoan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

**Nguyễn Thị Huyền**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>229.431.055.810</b>	<b>220.429.202.181</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.052.758.564</b>	<b>2.361.996.005</b>
1. Tiền	111		1.052.758.564	2.361.996.005
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>38.089.805.287</b>	<b>42.744.613.699</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		38.089.805.287	42.744.613.699
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>89.691.224.809</b>	<b>91.181.014.917</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	37.492.502.095	45.188.954.227
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.851.403.437	3.114.762.966
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	44.347.319.277	42.877.297.724
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>95.821.376.393</b>	<b>82.270.355.207</b>
1. Hàng tồn kho	141		95.821.376.393	82.270.355.207
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.775.890.757</b>	<b>1.871.222.353</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.402.951.805	101.399.056
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.312.417.130	1.709.301.475
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	11	60.521.822	60.521.822
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>383.483.663.027</b>	<b>380.180.145.764</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>111.488.102.893</b>	<b>111.488.102.893</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	70.133.414.792	70.133.414.792
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	39.286.577.950	39.286.577.950
3. Phải thu dài hạn khác	216	8	28.881.954.296	28.881.954.296
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	12	(26.813.844.145)	(26.813.844.145)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>442.836.859</b>	<b>556.066.260</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	442.836.859	556.066.260
- Nguyên giá	222		2.509.045.067	2.418.045.067
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.066.208.208)	(1.861.978.807)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>48.239.829.070</b>	<b>49.119.143.926</b>
- Nguyên giá	231		73.235.868.711	73.235.868.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.996.039.641)	(24.116.724.785)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>223.271.449.336</b>	<b>218.968.857.670</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241	15	199.600.912.198	199.600.912.198
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	23.670.537.138	19.367.945.472
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	18.296.788.082	18.296.788.082
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(18.296.788.082)	(18.296.788.082)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41.444.869</b>	<b>47.975.015</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	41.444.869	47.975.015
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>612.914.718.837</b>	<b>600.609.347.945</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>533.311.298.932</b>	<b>516.458.846.926</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>134.283.795.083</b>	<b>117.540.701.365</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	14.525.387.249	9.087.673.624
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	11.025.748.839	784.342.760
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	279.843.373	241.090.348
4. Phải trả người lao động	314		156.859.320	467.556.556
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	85.594.485.317	84.525.184.953
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	16.405.389.917	16.405.389.917
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	2.903.441.577	2.636.823.716
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.392.639.491	3.392.639.491
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>399.027.503.849</b>	<b>398.918.145.561</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	18	71.699.482.661	71.799.482.661
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	17.083.223.409	17.323.865.121
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	310.244.797.779	309.794.797.779
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>79.603.419.905</b>	<b>84.150.501.019</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>79.603.419.905</b>	<b>84.150.501.019</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.355.535.090	6.355.535.090
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.567.942.490	1.567.942.490
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(138.320.057.675)	(133.772.976.561)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(133.772.976.561)	(100.487.322.286)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.547.081.114)	(33.285.654.275)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>612.914.718.837</b>	<b>600.609.347.945</b>



Phạm Văn Trường  
Giám đốc  
Thanh Hóa, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Vũ Thị Hải  
Phụ trách Phòng Tài chính -  
Kế toán

Trịnh Thị Hoạt  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022*

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.948.352.703	317.793.509
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.742.299.090	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		206.053.613	317.793.509
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	2.015.602.803	1.298.652.089
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(1.809.549.190)	(980.858.580)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.309.196.738	1.342.835.550
7. Chi phí tài chính	22	29	1.069.300.364	1.069.300.364
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.069.300.364	1.069.300.364
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	2.975.783.796	3.659.255.632
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		(4.545.436.612)	(4.366.579.026)
10. Thu nhập khác	31		750	454.602.163
11. Chi phí khác	32		1.645.252	2.068.901
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.644.502)	452.533.262
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4.547.081.114)	(3.914.045.764)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(4.547.081.114)	(3.914.045.764)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(217)	(186)



Phạm Văn Trường  
Giám đốc  
Thanh Hóa, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Vũ Thị Hải  
Phụ trách Phòng Tài chính -  
Kế toán

Trịnh Thị Hoạt  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(4.547.081.114)</b>	<b>(3.914.045.764)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.083.544.257	1.086.070.533
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.309.196.738)	(1.342.835.550)
- Chi phí lãi vay	06	1.069.300.364	1.069.300.364
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(3.703.433.231)</b>	<b>(3.101.510.417)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(658.126.792)	5.757.117.073
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13.551.021.186)	(1.953.992.672)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.188.992.383	1.518.323.915
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.295.022.603)	(88.721.935)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.018.611.429)</b>	<b>2.131.215.964</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(3.249.432.407)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	454.572.728
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21.000.000.000)	(43.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.700.000.000	38.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.808.806.395	1.219.805.411
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>3.259.373.988</b>	<b>(3.325.621.861)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	450.000.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>450.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.309.237.441)</b>	<b>(1.194.405.897)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2.361.996.005</b>	<b>2.481.867.095</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>1.052.758.564</b>	<b>1.287.461.198</b>



**Phạm Văn Trường**  
Giám đốc  
Thanh Hóa, ngày 24 tháng 3 năm 2023

**Vũ Thị Hải**  
Phụ trách Phòng Tài chính -  
Kế toán

**Trịnh Thị Hoạt**  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2800947548 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 02 năm 2006 và thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 10 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 210.000.000.000 VND chia thành 21.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UpCom với mã giao dịch là PVH.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 43 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 43 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê. Đầu tư cải tạo đất, đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê đã có hạ tầng, phát triển các dự án nhà ở trong khu đô thị, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV, công trình thể thao ngoài trời, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, khu kinh tế;
- Phá dỡ, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi lưu giữ hàng hóa; và một số dịch vụ khác.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Chi nhánh Khai thác Khoáng sản	Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, các số liệu này chưa được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các Thuyết minh số 14;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a, b và c trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Công cụ tài chính**

###### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

###### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

###### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác: Các chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

#### **Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành công trình; Dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông...); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số năm đã thu tiền trước.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	236.660.457	126.162.673
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	816.098.107	2.235.833.332
<b>Cộng</b>	<b><u>1.052.758.564</u></b>	<b><u>2.361.996.005</u></b>

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	38.089.805.287	38.089.805.287	42.744.613.699	42.744.613.699
<b>Cộng</b>	<b><u>38.089.805.287</u></b>	<b><u>38.089.805.287</u></b>	<b><u>42.744.613.699</u></b>	<b><u>42.744.613.699</u></b>

**Ghi chú:**

- (i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á, Ngân hàng Bản Việt và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông với lãi suất từ 5,9%/năm - 6,3%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>37.492.502.095</b>	<b>45.188.954.227</b>
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>16.600.201.960</b>	<b>19.302.691.588</b>
Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc	12.245.671.252	12.245.671.252
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	3.739.806.864	5.492.296.492
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	614.723.844	1.564.723.844
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>20.892.300.135</b>	<b>25.886.262.639</b>
Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất	12.901.106.232	12.901.106.232
Công ty Xây dựng Hùng Sơn	2.129.781.818	2.129.781.818
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Quảng Ninh	1.863.997.000	6.880.526.000
Các đối tượng khác	3.997.415.085	3.974.848.589
<b>Dài hạn</b>	<b>70.133.414.792</b>	<b>70.133.414.792</b>
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>70.133.414.792</b>	<b>70.133.414.792</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	45.260.578.319	45.260.578.319
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	15.700.057.135	15.700.057.135
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	8.608.599.625	8.608.599.625
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Xơ Sợi Polyester	564.179.713	564.179.713
<b>Cộng</b>	<b>107.625.916.887</b>	<b>115.322.369.019</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.851.403.437</b>	<b>3.114.762.966</b>
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>1.566.355.748</b>	<b>1.160.038.240</b>
Công ty Cổ phần Anh Phát Nghi Sơn	1.088.870.000	1.088.870.000
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy dầu khí	406.317.508	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	70.628.000	70.628.000
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	540.240	540.240
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>6.285.047.689</b>	<b>1.954.724.726</b>
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Sông Đáy	533.697.552	-
Nhà máy bê tông Amacao - CN Công ty Cổ phần AVIA	464.379.700	-
Các đối tượng khác	5.286.970.437	1.954.724.726
<b>Dài hạn</b>	<b>39.286.577.950</b>	<b>39.286.577.950</b>
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>29.355.863.103</b>	<b>29.355.863.103</b>
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	29.355.863.103	29.355.863.103
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>9.930.714.847</b>	<b>9.930.714.847</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Trường Sơn	3.499.319.305	3.499.319.305
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	1.728.378.072	1.728.378.072
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thăng Long	1.300.000.000	1.300.000.000
Các đối tượng khác	3.403.017.470	3.403.017.470
<b>Cộng</b>	<b>47.137.981.387</b>	<b>42.401.340.916</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Ngắn hạn</i>	<b>44.347.319.277</b>	<b>43.841.174.599</b>	<b>42.877.297.724</b>	<b>42.371.153.046</b>
- Tạm ứng	7.089.289.679	6.583.145.001	5.179.016.581	4.672.871.903
- Phải thu khác	<b>37.258.029.598</b>	<b>37.258.029.598</b>	<b>37.698.281.143</b>	<b>37.698.281.143</b>
<i>Bên liên quan:</i>	<b>2.298.156.893</b>	<b>2.298.156.893</b>	<b>2.298.156.893</b>	<b>2.298.156.893</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	1.750.748.646	1.750.748.646	1.750.748.646	1.750.748.646
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC ME)	362.654.029	362.654.029	362.654.029	362.654.029
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	184.754.218	184.754.218	184.754.218	184.754.218
<i>Đối tượng khác</i>	<b>34.959.872.705</b>	<b>34.959.872.705</b>	<b>35.400.124.250</b>	<b>35.400.124.250</b>
Phải thu các nhà thầu Dự án Nghi Sơn (i)	24.730.140.084	24.730.140.084	24.730.140.084	24.730.140.084
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng (ii)	6.942.986.111	6.942.986.111	6.942.986.111	6.942.986.111
Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa	1.273.100.000	1.273.100.000	1.273.100.000	1.273.100.000
Các đối tượng khác	2.013.646.510	2.013.646.510	2.453.898.055	2.453.898.055
<i>Dài hạn</i>	<b>28.881.954.296</b>	<b>3.778.339.254</b>	<b>28.881.954.296</b>	<b>3.778.339.254</b>
- Ký cược, ký quỹ	34.000.000	34.000.000	34.000.000	34.000.000
- Phải thu khác	<b>28.847.954.296</b>	<b>3.744.339.254</b>	<b>28.847.954.296</b>	<b>3.744.339.254</b>
Ông Dương Trọng Hưng	7.598.015.237	-	7.598.015.237	-
Ông Nguyễn Trung Liêm	7.137.808.143	-	7.137.808.143	-
Ông Lương Hoàng	10.367.791.662	-	10.367.791.662	-
Các đối tượng khác	3.744.339.254	3.744.339.254	3.744.339.254	3.744.339.254
<b>Cộng</b>	<b>73.229.273.573</b>	<b>47.619.513.853</b>	<b>71.759.252.020</b>	<b>46.149.492.300</b>

**Ghi chú:**

- (i) Bao gồm các khoản chi phí xây dựng hệ thống chiếu sáng, các chi phí chung và các khoản chi phí quyền góp từ thiện, kinh phí khen thưởng Ban Quản lý mà Công ty sẽ phân bổ cho các nhà thầu phụ tham gia Công trình lọc hóa dầu Nghi Sơn theo tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu khi có quyết toán.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 24/2011/HĐHTĐT-PVC.TH-PVSH ngày 08 tháng 9 năm 2011, Công ty chuyển giao 27.500.000.000 VND cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng để đầu tư vào dự án Khu đô thị PVSH Garden tại huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai với mức phí sử dụng vốn là 17%/năm trong 180 ngày kể từ thời điểm Công ty giao vốn. Công ty đã dừng thu phí sử dụng vốn tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2022, số dư phí sử dụng vốn là 6.942.986.111 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	14.060.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	95.807.316.393	-	82.270.355.207	-
- Dự án SLMB Liên hợp LHD Nghi Sơn	31.945.976.121	-	31.945.976.121	-
- Công trình 217 Cẩm Thủy	18.515.198.435	-	18.515.198.435	-
- Công trình Trạm phát điện Thái Bình	8.278.023.936	-	8.303.796.034	-
- Khác	37.068.117.901	-	23.505.384.617	-
<b>Cộng</b>	<b>95.821.376.393</b>	<b>-</b>	<b>82.270.355.207</b>	<b>-</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.402.951.805</b>	<b>101.399.056</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	74.745.566	93.399.056
Chi phí khác	1.328.206.239	8.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>41.444.869</b>	<b>47.975.015</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	41.444.869	47.975.015

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.521.822	-	-	60.521.822
<b>Cộng</b>	<b>60.521.822</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>60.521.822</b>
<b>b) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	31.084.695	-	-	31.084.695
Thuế tài nguyên	3.953.586	-	-	3.953.586
Thuế thu nhập cá nhân	12.296.690	15.654.238	5.589.872	22.361.056
Các loại thuế, phí khác	2.823.990	4.000.000	4.000.000	2.823.990
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	190.931.387	319.400.656	290.711.997	219.620.046
<b>Cộng</b>	<b>241.090.348</b>	<b>339.054.894</b>	<b>300.301.869</b>	<b>279.843.373</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**12. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a) Phải thu khách hàng</b>	<b>1.233.067.673</b>	<b>137.920.644</b>	<b>1.233.067.673</b>	<b>137.920.644</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Nghi Sơn	773.332.193	-	773.332.193	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Nam Sơn	459.735.480	137.920.644	459.735.480	137.920.644
<b>b) Phải thu khác</b>	<b>25.192.552.438</b>	<b>-</b>	<b>25.192.552.438</b>	<b>-</b>
Ông Lương Hoàng	10.367.791.662	-	10.367.791.662	-
Ông Dương Trọng Hưng	7.598.015.237	-	7.598.015.237	-
Ông Nguyễn Trung Liêm	7.137.808.143	-	7.137.808.143	-
Các đối tượng khác	88.937.396	-	88.937.396	-
<b>c) Tạm ứng</b>	<b>506.144.678</b>	<b>-</b>	<b>506.144.678</b>	<b>-</b>
Ban Điều hành BLD3B Công ty - Anh Hưng	309.460.703	-	309.460.703	-
Ban Quản lý các Dự án PVC-TH tại Nghi Sơn - Anh Liêm	80.901.410	-	80.901.410	-
Ban Chỉ huy công trường 25ha - Anh Liêm	76.852.802	-	76.852.802	-
Ban Điều hành San lấp mặt bằng Nghi Sơn - Dương Trọng Hưng	20.000.000	-	20.000.000	-
Ban Chỉ huy thi công đài cọc Nghi sơn - Anh Liêm	18.929.763	-	18.929.763	-
<b>d) Trả trước cho người bán</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư phát triển Bắc Sông Mã	20.000.000	-	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>26.951.764.789</b>	<b>137.920.644</b>	<b>26.951.764.789</b>	<b>137.920.644</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>									
Số dư đầu kỳ	293.528.482	470.795.455	1.394.294.181		259.426.949		2.418.045.067		
- Mua trong kỳ	-	91.000.000	-		-		91.000.000		
Số dư cuối kỳ	293.528.482	561.795.455	1.394.294.181		259.426.949		2.509.045.067		
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>									
Số dư đầu kỳ	288.956.385	466.812.769	887.251.903		218.957.750		1.861.978.807		
- Khấu hao trong kỳ	2.612.622	8.931.549	186.412.500		6.272.730		204.229.401		
Số dư cuối kỳ	291.569.007	475.744.318	1.073.664.403		225.230.480		2.066.208.208		
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>									
Số dư đầu kỳ	4.572.097	3.982.686	507.042.278		40.469.199		556.066.260		
Số dư cuối kỳ	1.959.475	86.051.137	320.629.778		34.196.469		442.836.859		

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 1.311.984.692 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.311.984.692 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<u>Nhà văn phòng</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	<u>73.235.868.711</u>	<u>73.235.868.711</u>
Số dư cuối kỳ	<u>73.235.868.711</u>	<u>73.235.868.711</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	<u>24.116.724.785</u>	<u>24.116.724.785</u>
- Khấu hao trong kỳ	879.314.856	879.314.856
Số dư cuối kỳ	<u>24.996.039.641</u>	<u>24.996.039.641</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu kỳ	<u>49.119.143.926</u>	<u>49.119.143.926</u>
Số dư cuối kỳ	<u>48.239.829.070</u>	<u>48.239.829.070</u>

Bất động sản đầu tư cho thuê duy nhất mà Công ty sở hữu và kinh doanh từ năm 2015 là Tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa. Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư này để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị có thể thu hồi</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị có thể thu hồi</u> VND
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>				
Dự án "Khu tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở" (i)	<u>199.600.912.198</u>	<u>199.600.912.198</u>	<u>199.600.912.198</u>	<u>199.600.912.198</u>
<b>Cộng</b>	<u>199.600.912.198</u>	<u>199.600.912.198</u>	<u>199.600.912.198</u>	<u>199.600.912.198</u>

Ghi chú:

- (i) Dự án có tên gọi "Khu tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở chung cư" của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất có diện tích 32.275,5 m<sup>2</sup> giáp Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Dự án được chia làm 2 tiểu dự án thành phần gồm "Dự án Khách sạn Lam Kinh" trên khu đất có diện tích 18.791,9 m<sup>2</sup> và "Dự án giai đoạn 2" trên khu đất có diện tích 13.483,6m<sup>2</sup>.

Ngày 30 tháng 11 năm 2011, Công ty đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng số 41/2011/HĐCN với Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (KSLK) về việc Công ty chuyển nhượng "Dự án Khách sạn Lam Kinh" cho KSLK với tổng giá trị chuyển nhượng tài sản dự án "*bằng giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng Khách sạn Lam Kinh đã được phê duyệt và kiểm toán theo quy định*". Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng trên vẫn chưa hoàn tất.

Đồng thời trong năm 2017, "Dự án giai đoạn 2", Công ty đã chuyển nhượng dự án cho Công ty Cổ phần Mai Tuấn Nghĩa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

Như trình bày tại “*Thuyết minh số 23 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn*” phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, dự án này đang được thế chấp cho khoản vay tại Công ty Tài chính Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa). Theo đó, việc chuyển nhượng dự án phải được sự chấp thuận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Dự án 157ha Nghi Sơn (i)	19.367.945.472	19.367.945.472	19.367.945.472	19.367.945.472
Sửa chữa lớn tòa nhà 38A (ii)	4.302.591.666	4.302.591.666	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.670.537.138</b>	<b>23.670.537.138</b>	<b>19.367.945.472</b>	<b>19.367.945.472</b>

Ghi chú:

- (i) Theo Quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn, dự án này đã bị chấm dứt; theo đó, ngày 24 tháng 9 năm 2014, Công ty đã có biên bản làm việc với đối tác là Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương Mại Anh Phát - CTCP về việc thỏa thuận hoàn trả chi phí đã đầu tư tại dự án, tổng số là 26.422.536.093 VND, trong đó giá trị đầu tư thống nhất được hoàn trả là 14.760.774.232 VND, giá trị chưa được thống nhất là 11.661.761.861 VND liên quan tới chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã ứng cho các hộ dân để thu hồi đất do chưa hoàn thiện các thủ tục có liên quan.
- (ii) Chi phí sửa chữa lớn tòa nhà 38A tại Đại lộ Lê Lợi - Thanh Hóa bao gồm các chi phí tháo dỡ, sửa chữa, thay thế, lắp mới,... các hạng mục để đưa tòa nhà về trạng thái sẵn sàng sử dụng. Công ty chưa phân bổ các khoản chi phí này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐẦU KHÍ THANH HÓA**

Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi,  
phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa

**MÃ SỐ B 09 a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	18.296.788.082	(18.296.788.082)	18.296.788.082	(18.296.788.082)
<b>Cộng</b>	<b>18.296.788.082</b>	<b>(18.296.788.082)</b>	<b>18.296.788.082</b>	<b>(18.296.788.082)</b>

Ghi chú:

(i) Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh có vốn điều lệ 190.000.000.000 VND chia thành 19.000.000 cổ phần, Công ty sở hữu 9,63% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản dự phòng cho khoản đầu tư trên được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, chúng tôi không thu thập được báo cáo giữa niên độ của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh,

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.525.387.249</b>	<b>14.525.387.249</b>	<b>9.087.673.624</b>	<b>9.087.673.624</b>
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>1.141.626.750</b>	<b>1.141.626.750</b>	<b>1.203.807.322</b>	<b>1.203.807.322</b>
Chi nhánh Xây lắp công trình dầu khí phía Bắc - PVC	1.141.626.750	1.141.626.750	1.141.626.750	1.141.626.750
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	-	62.180.572	62.180.572
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>13.383.760.499</b>	<b>13.383.760.499</b>	<b>7.883.866.302</b>	<b>7.883.866.302</b>
Tổng Công ty Xây dựng số 01 - TNHH MTV	2.088.089.500	2.088.089.500	2.088.089.500	2.088.089.500
Công ty CP Đầu tư BT Quảng Ninh	1.888.482.800	1.888.482.800	-	-
Các đối tượng khác	9.407.188.199	9.407.188.199	5.795.776.802	5.795.776.802
<b>Dài hạn</b>	<b>71.699.482.661</b>	<b>71.699.482.661</b>	<b>71.799.482.661</b>	<b>71.799.482.661</b>
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>24.569.272.333</b>	<b>24.569.272.333</b>	<b>24.669.272.333</b>	<b>24.669.272.333</b>
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC ME)	21.012.012.224	21.012.012.224	21.012.012.224	21.012.012.224
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội	1.681.771.063	1.681.771.063	1.781.771.063	1.781.771.063
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	1.194.563.979	1.194.563.979	1.194.563.979	1.194.563.979
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An	54.121.849	54.121.849	54.121.849	54.121.849
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	626.803.218	626.803.218	626.803.218	626.803.218
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>47.130.210.328</b>	<b>47.130.210.328</b>	<b>47.130.210.328</b>	<b>47.130.210.328</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	24.818.030.770	24.818.030.770	24.818.030.770	24.818.030.770
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718
Công ty Cổ phần COSEVCO 1	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861
Công ty TNHH Minh Hằng	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818
Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Bắc Sơn	1.549.327.975	1.549.327.975	1.549.327.975	1.549.327.975
Các đối tượng khác	7.233.572.186	7.233.572.186	7.233.572.186	7.233.572.186
<b>Cộng</b>	<b>86.224.869.910</b>	<b>86.224.869.910</b>	<b>80.887.156.285</b>	<b>80.887.156.285</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>344.213.000</b>	<b>44.213.000</b>
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCPC	344.213.000	44.213.000
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>10.681.535.839</b>	<b>740.129.760</b>
Ban quản lý dự án bảo trì đường bộ tỉnh Yên Bái	2.200.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp OLYMPIA	2.393.798.537	-
Công ty TNHH Xây dựng Nhật Quảng	5.347.607.542	-
Các đối tượng khác	740.129.760	740.129.760
<b>Cộng</b>	<b>11.025.748.839</b>	<b>784.342.760</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	85.594.485.317	84.525.184.953
<b>Cộng</b>	<b>85.594.485.317</b>	<b>84.525.184.953</b>

**21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.405.389.917</b>	<b>16.405.389.917</b>
Công trình quốc lộ 217 Cẩm Thủy (Giá trị khối lượng hoàn thành đợt 7,8) (i)	16.405.389.917	16.405.389.917
<b>b) Dài hạn</b>	<b>17.083.223.409</b>	<b>17.323.865.121</b>
Bất động sản đầu tư cho thuê	17.083.223.409	17.323.865.121

Ghi chú:

- (i) Theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng thi công số 1004/2018/HĐXD/TN-PVCTH ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất và PVC-TH về việc thi công xây dựng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn tuyến KM 67+248 đến KM73+00 thuộc Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 217, Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất (Bên A - Tổng thầu) sẽ thanh toán cho PVC-TH (Bên B - Thâu phụ) từng đợt theo tiến độ nghiệm thu/thanh toán của Bên A với chủ đầu tư. Mỗi đợt khối lượng hoàn thành của PVC-TH được chủ đầu tư và tư vấn giám sát nghiệm thu thì Bên A sẽ thanh toán cho PVC-TH 95% giá trị hoàn thành. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, toàn bộ các đợt phát sinh khối lượng hoàn thành của PVC-TH đều đã được chủ đầu tư và tư vấn giám sát nghiệm thu. Thêm vào đó, toàn bộ gói thầu 2.1 trong đó có hạng mục theo hợp đồng xây dựng nêu trên đã được các bên bàn giao, tiếp nhận và đưa công trình vào sử dụng vào ngày 22/12/2020. Tuy nhiên, do Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất chưa thực hiện việc xác nhận khối lượng hoàn thành đợt 7, 8 và quyết toán hợp đồng theo đúng quy định của hợp đồng và của pháp luật nên PVC-TH chưa phát hành hóa đơn giá trị gia tăng và ghi nhận doanh thu kịp thời. Công ty đang tạm ghi nhận khối lượng giá trị hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận vào doanh thu chưa thực hiện đồng thời ghi nhận nợ phải thu từ Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
	<b>2.903.441.577</b>	<b>2.636.823.716</b>
Kinh phí công đoàn	189.662.275	197.197.265
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	174.078.230	-
Các khoản khác	2.539.701.072	2.439.626.451
<i>Trong đó: Phải trả là các bên liên quan</i>	<i>2.500.000</i>	<i>2.500.000</i>
<i>- Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam</i>	<i>2.500.000</i>	<i>2.500.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>2.903.441.577</b>	<b>2.636.823.716</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA**

Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi,  
phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (i)	307.408.254.505	307.408.254.505	-	-	307.408.254.505	307.408.254.505
Lương Quang Trung	-	-	450.000.000	-	-	450.000.000
Ông Nguyễn Trung Liêm	119.113.274	119.113.274	-	-	-	119.113.274
Bà Vũ Thúy Hạnh	1.867.430.000	1.867.430.000	-	-	-	1.867.430.000
Ông Nguyễn Duy Linh	400.000.000	400.000.000	-	-	-	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>309.794.797.779</b>	<b>309.794.797.779</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>310.244.797.779</b>	<b>310.244.797.779</b>

Ghi chú:

(i) Ngày 18 tháng 02 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án số 08/2011/HĐCNDÀ/PVFCland-PVC-TH với Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam, theo hợp đồng Công ty nhận lại khoản vay của Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam). Khoản vay chi tiết theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210, Phụ lục hợp đồng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210. Mục đích sử dụng vốn là thanh toán các chi phí thuộc tổng mức đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh với hạn mức 295.000.000.000 VND. Thời hạn vay là từ ngày 27 tháng 12 năm 2010 đến ngày 15 tháng 4 năm 2022. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần tính từ ngày 15 tháng 01 năm 2011, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2010. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh, nguồn thu từ dự án và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án.

Ngày 28 tháng 01 năm 2011, Công ty ký Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCFTL08/PL02 với Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và với Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam, theo đó, Công ty nhận chuyển giao khoản vay của Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam). Khoản vay chi tiết của Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCFTL08, Phụ lục hợp đồng số 14/HĐTD-DH/PVFCFTL08 và biên bản đổi chiếu công nợ ngày 28 tháng 01 năm 2011, số tiền vay là 26.259.885.960 VND, mục đích sử dụng vốn là đầu tư tòa nhà văn phòng tại 38A Đại lộ Lê Lợi, thời hạn vay là 10 năm tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2010, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2010, lãi suất được điều chỉnh theo quý. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ Tòa nhà Dầu khí tại 38A Lê Lợi tại thành phố Thanh Hóa.

Theo thư xác nhận số dự của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam số 12357/PVB-QL&TCCTS ngày 07 tháng 7 năm 2022, chi phí đi vay và các khoản phạt liên quan đến dự án “Khu Tô hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở”, cụ thể là dự án Khách sạn Lam Kinh và dự án Đầu tư Xây dựng Tòa nhà Dầu khí 38A Đại lộ Lê Lợi - Thanh Hóa từ năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty chưa chi trả cho Ngân hàng số tiền là 537.187.275.017 VND, trong đó Công ty đã tạm trích trước chi phí lãi vay và ghi nhận lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 trên khoản mục chi phí phải trả với giá trị là 84.525.184.953 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 20 - Chi phí phải trả ngắn hạn phần Thuyết minh Báo cáo tài chính).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu kỳ trước	210.000.000.000	1.567.942.490	6.355.535.090	(100.487.322.286)	117.436.155.294
Lỗ trong năm	-	-	-	(33.285.654.275)	(33.285.654.275)
Số dư đầu kỳ	210.000.000.000	1.567.942.490	6.355.535.090	(133.772.976.561)	84.150.501.019
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(4.547.081.114)	(4.547.081.114)
Số dư cuối kỳ	210.000.000.000	1.567.942.490	6.355.535.090	(138.320.057.675)	79.603.419.905

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800947548 thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 10 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, chi tiết vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	75.600.000.000	36,00%	75.600.000.000	36,00%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	31.000.000.000	14,76%	31.000.000.000	14,76%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors	15.000.000.000	7,14%	15.000.000.000	7,14%
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	1.400.000.000	0,67%	1.400.000.000	0,67%
Cổ đông khác	87.000.000.000	41,43%	87.000.000.000	41,43%
<b>Cộng</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**25. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	1.635.741.900	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	312.610.803	317.793.509
<i>Trong đó: Doanh thu cho thuê bất động sản</i>	<i>312.610.803</i>	<i>317.793.509</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.948.352.703</u></b>	<b><u>317.793.509</u></b>

**26. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	1.570.312.224	1.284.937.937
Giá vốn cung cấp dịch vụ	445.290.579	13.714.152
<i>Trong đó: Giá vốn cho thuê bất động sản</i>	<i>445.290.579</i>	<i>13.714.152</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.015.602.803</u></b>	<b><u>1.298.652.089</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.566.431.354	900.292.200
Chi phí nhân công	3.469.165.286	3.370.730.232
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.083.544.257	1.086.070.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.946.901.508	581.742.504
Các khoản chi phí khác	462.305.380	973.064.924
<b>Cộng</b>	<b><u>18.528.347.785</u></b>	<b><u>6.911.900.393</u></b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.309.196.738	1.342.835.550
<b>Cộng</b>	<b><u>1.309.196.738</u></b>	<b><u>1.342.835.550</u></b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.069.300.364	1.069.300.364
<b>Cộng</b>	<b><u>1.069.300.364</u></b>	<b><u>1.069.300.364</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.827.613.852	2.240.481.483
Chi phí vật liệu quản lý	290.417.611	128.447.532
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.984.651	11.612.599
Chi phí khấu hao TSCĐ	192.685.230	192.685.230
Thuế, phí và lệ phí	43.947.266	9.556.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.051.583	303.428.201
Các khoản chi phí khác	410.083.603	773.043.661
<b>Cộng</b>	<b>2.975.783.796</b>	<b>3.659.255.632</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(4.547.081.114)</b>	<b>(3.914.045.764)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.645.252</b>	<b>2.068.901</b>
- Chi phí không được trừ	1.645.252	2.068.901
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	-	-
<b>Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt so với lợi nhuận kế toán. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có khoản lỗ lũy kế còn được chuyển lỗ là 25.297.498.308 VND. Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này. Các khoản lỗ này được chuyển lỗ trong thời gian tối đa 5 năm (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Đơn vị: VND

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Tình trạng	Số lỗ tính thuế được chuyển	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ tính thuế còn được chuyển
2018	2018 - 2022	Chưa quyết toán	(1.493.508.616)	-	(1.493.508.616)
2019	2019 - 2023	Chưa quyết toán	(7.777.259.512)	-	(7.777.259.512)
2020	2020 - 2024	Chưa quyết toán	(5.866.462.759)	-	(5.866.462.759)
2021	2021 - 2025	Chưa quyết toán	(5.614.831.559)	-	(5.614.831.559)
2022	2022 - 2027	Chưa quyết toán	(4.545.435.862)	-	(4.545.435.862)
<b>Cộng</b>			<b>(25.297.498.308)</b>	-	<b>(25.297.498.308)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	(4.547.081.114)	(3.914.045.764)
<b>Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(4.547.081.114)</b>	<b>(3.914.045.764)</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(217)	(186)
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của cổ đông lớn
Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí Phía Bắc - PVC	Đơn vị phụ thuộc của cổ đông lớn
Ban điều hành dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester	Đơn vị phụ thuộc của cổ đông lớn
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Anh Phát Nghi Sơn	Công ty liên kết của cổ đông lớn

*Trong kỳ, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các Thuyết minh số 06, 07, 08, 18, 19 và 22; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.635.741.900	-
	1.635.741.900	-
<b>Mua hàng hoá và dịch vụ</b>		
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	406.317.509	295.885.044
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	295.885.044
	406.317.509	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ:*

<u>Chức vụ</u>		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>		<b>190.440.909</b>	<b>159.196.364</b>
Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT	154.440.909	141.196.364
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên	18.000.000	9.000.000
Ông Phạm Văn Tú	Thành viên	18.000.000	9.000.000
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		<b>378.122.727</b>	<b>271.800.909</b>
Ông Đoàn Hữu Trác	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/10/2021)	-	129.234.545
Ông Phạm Văn Trường	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14/10/2021)	147.126.363	-
Bà Vũ Thị Hà	Phó Giám đốc	116.608.182	43.359.091
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Giám đốc	114.388.182	99.207.273
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>36.000.000</b>	<b>18.000.000</b>
Ông Lê Văn Đức	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2022)	12.000.000	6.000.000
Ông Hoàng Ngọc Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2022)	12.000.000	6.000.000
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên	12.000.000	6.000.000
<b>Cộng</b>		<b>604.563.636</b>	<b>448.997.273</b>

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Các khoản vay	310.244.797.779	309.794.797.779
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.052.758.564)	(2.361.996.005)
Nợ thuần	309.192.039.215	307.432.801.774
Vốn chủ sở hữu	79.603.419.905	84.150.501.019
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>3,88</b>	<b>3,65</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Hệ số đòn bẩy tài chính***

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.052.758.564	1.052.758.564	2.361.996.005	2.361.996.005
Phải thu khách hàng	106.530.769.858	106.530.769.858	114.227.221.990	114.227.221.990
Phải thu khác	47.530.576.457	47.530.576.457	46.060.554.904	46.060.554.904
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>155.114.104.879</b>	<b>155.114.104.879</b>	<b>162.649.772.899</b>	<b>162.649.772.899</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	310.244.797.779	310.244.797.779	309.794.797.779	309.794.797.779
Phải trả người bán	86.224.869.910	86.224.869.910	80.887.156.285	80.887.156.285
Chi phí phải trả	85.594.485.317	85.594.485.317	84.525.184.953	84.525.184.953
Phải trả khác	2.903.441.577	2.903.441.577	2.636.823.716	2.636.823.716
<b>Tổng cộng</b>	<b>484.967.594.583</b>	<b>484.967.594.583</b>	<b>477.843.962.733</b>	<b>477.843.962.733</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.052.758.564	-	-	1.052.758.564
Phải thu khách hàng	36.397.355.066	70.133.414.792	-	106.530.769.858
Phải thu khác	43.752.237.203	3.778.339.254	-	47.530.576.457
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>81.202.350.833</b>	<b>73.911.754.046</b>	-	<b>155.114.104.879</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	310.244.797.779	-	310.244.797.779
Phải trả người bán	14.525.387.249	71.699.482.661	-	86.224.869.910
Chi phí phải trả	85.594.485.317	-	-	85.594.485.317
Phải trả khác	2.903.441.577	-	-	2.903.441.577
<b>Tổng cộng</b>	<b>103.023.314.143</b>	<b>381.944.280.440</b>	-	<b>484.967.594.583</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(21.820.963.310)</b>	<b>(308.032.526.394)</b>	-	<b>(329.853.489.704)</b>
<b>Số đầu kỳ</b>				
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.361.996.005	-	-	2.361.996.005
Phải thu khách hàng	44.093.807.198	70.133.414.792	-	114.227.221.990
Phải thu khác	17.178.600.608	28.881.954.296	-	46.060.554.904
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.634.403.811</b>	<b>99.015.369.088</b>	-	<b>162.649.772.899</b>
<b>Số đầu kỳ</b>				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	309.794.797.779	-	309.794.797.779
Phải trả người bán	9.087.673.624	71.799.482.661	-	80.887.156.285
Chi phí phải trả	84.525.184.953	-	-	84.525.184.953
Phải trả khác	2.636.823.716	-	-	2.636.823.716
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.249.682.293</b>	<b>381.594.280.440</b>	-	<b>477.843.962.733</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(32.615.278.482)</b>	<b>(282.578.911.352)</b>	-	<b>(315.194.189.834)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được soát xét.



**Phạm Văn Trường**  
**Giám đốc**  
*Thanh Hóa, ngày 24 tháng 3 năm 2023*

**Vũ Thị Hải**  
**Phụ trách Phòng Tài chính -**  
**Kế toán**

**Trịnh Thị Hoạt**  
**Người lập biểu**